

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/DS-ST.

Ngày: 01- 4 - 2025

V/v: “Yêu cầu công nhận hợp đồng
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và
buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Tuấn

Ông Trịnh Hoàng Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 và ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2022 về “Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; buộc thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: KP 8, TT GR, huyện GR, tỉnh KG

- Bị đơn:

1. Chị Pn Thị Kim P, sinh năm 1977; địa chỉ: KP 7, TT GR, huyện GR, tỉnh KG (vắng mặt).

2. Pn Tấn Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp NH, xã VT, huyện GR, tỉnh KG (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn Th, sinh năm 1959; địa chỉ: KP 7, TT GR, huyện GR, tỉnh KG (có mặt);

2. Anh Pn Thành Kh, sinh năm 2005 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại: Ấp NH, xã VT, huyện GR, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất 2.320m²; thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 01; tọa lạc tại KP 7, TT GR, huyện GR, tỉnh KG của ông Pn Hy Sinh, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông Sinh đã đứng tên trên sổ mục kê. Phần đất này trước đây ông Sinh cõ cho ông Lê Văn Th, do không có đường nước nên ông Th tiếp tục cõ lại cho vợ chồng ông với giá 07 chỉ vàng 24k (loại 98%). Sau khi cõ đất của ông Th vợ chồng ông canh tác được thời gian thì vợ chồng ông gặp ông Sinh thỏa thuận sẽ mua lại phần đất này và được ông Sinh đồng ý nên hai bên tiến hành là thủ tục chuyển nhượng. Sau khi thống nhất mua bán vợ chồng ông đã đưa cho ông Sinh hai lần vàng tổng cộng là 07 chỉ vàng 24k. Việc chuyển nhượng có làm hợp đồng viết tay lập ngày 25/5/1999, có nhờ ông Hồ Như Thích Trưởng khu vực 7 chứng kiến và việc giao trả vàng có ông Pn Thanh Triều là em ruột của ông Pn Hy Sinh chứng kiến. Sau khi làm hợp đồng chuyển nhượng ông có nộp hồ sơ đến Ủy ban nhân dân thị trấn Giồng Riềng để làm thủ tục sang tên cấp giấy cho ông bà cán bộ địa chính tiếp nhận hồ sơ thời gian rồi trả lại do không còn làm việc, ông bà làm ăn thua lỗ nên đi Bình Dương làm thuê và cõ phần đất này lại cho ông Nguyễn Huy Hoàng. Năm 2012, ông Sinh chết. Năm 2021 ông bà về chuộc lại đất từ ông Hoàng lại canh tác và ông bà tiếp tục đi làm thủ tục sang tên thì Pn Tấn Đ và Pn Thị Kim P, cho rằng ông Sinh không có chuyển nhượng đất cho vợ chồng ông gây khó khăn trong việc làm thủ tục sang tên và phát sinh tranh chấp cho đến nay. Ông T, bà L xác định thời điểm chuyển nhượng đất Sinh có hai người con là Pn Thị Kim P và Pn Tấn Đ. Nay ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 25/5/1999 với ông Pn Hy Sinh. Do ông Pn Hy Sinh đã chết nên đề nghị con ông Sinh là Pn Thị Kim P, Pn Tấn Đ thực hiện thực hiện thủ tục sang tên cho ông bà theo quy định pháp luật.

Đối với bị đơn chị Pn Thị Kim P, anh Phán Tấn Đ Tòa án đã tổng Đ vẫn bản tố tụng cho chị P anh Đ thông qua thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị P anh Đ giấy triệu để Tòa án làm việc liên quan đến vụ án và hòa giải nhưng chị P anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không cử người đại diện tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến và phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn, do đó Tòa án

không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của bị đơn và cũng không tiến hành hòa giải được.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Vào ngày 01/7/1991, ông có cổ của ông Pn Hy Sinh 02 công đất ruộng tại KP 7, TT GR, huyện GR, tỉnh KG. Việc cầm cổ đất có làm giấy viết tay do ông Sinh là người viết và ông Thọ người làm chứng. Thỏa thuận thời hạn cổ đất là 10 năm nếu đến hạn ông Sinh không chuộc lại thì ông tiếp tục canh tác khi nào ông Sinh có vàng ông sẽ cho chuộc lại. Sau khi cổ đất ông canh tác được khoảng 04 năm. Do phần đất không có đường nước, canh tác ruộng khó khăn nên ông cổ lại cho ông T với giá là 07 chỉ vàng 24k, việc cầm cổ đất có làm giấy tay. Sau khi cổ đất cho ông T được khoảng 03 năm thì ông gặp ông T để chuộc lại đất nhưng T cho rằng đã mua lại phần đất ruộng này của ông Sinh, nên không cho ông chuộc lại. Ông có phản ứng lại với ông T là việc chuyển nhượng đất như vậy là không đúng nhưng sau đó ông không chuộc lại và để đất cho ông T canh tác cho đến nay. Nay vợ chồng ông T yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất với ông Pn Hy Sinh, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Pn Thành Kh đã được Tòa án Thông báo đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan do là người thừa kế của ông Pn Hy Sinh, nhưng anh Kh không có ý kiến phản hồi hay yêu cầu gì trong vụ án và vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng.

Tại phiên tòa ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất lập ngày 25/5/1999, giữa ông bà với ông Pn Hy Sinh, theo diện tích đo đạc thực tế tại Tờ trích đo ngày 17/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Hiện tại ông Sinh đã chết nên đề nghị hàng thừa kế của ông Sinh thực hiện nghĩa vụ sang tên phần đất ông Sinh đã chuyển nhượng cho ông bà theo quy định của pháp luật. Ông T bà L xác định hiện tại phần đất này vợ chồng ông trực tiếp canh tác.

Tại phiên tòa ông Lê Văn Th xác định ông Pn Hy Sinh có chuyển nhượng đất ruộng cho vợ chồng ông T bà L là đúng sự thật. Hiện tại phần đất này do vợ chồng ông T canh tác việc ông T bà L đề nghị công nhận hợp đồng đề nghị Tòa án chấp nhận. Đối với việc ông với ông Pn Hy Sinh cổ đất cho ông, ông không yêu cầu giải quyết và việc ông cổ đất cho ông T hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chị P, anh Đ; anh Kh người liên quan đã được Tòa án thông báo đúng theo quy định nhưng vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh Đ, anh Kh.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập ngày 25/5/1999 giữa ông Pn Hy Sinh với vợ chồng ông Bùi Văn T. Buộc hàng thừa kế của ông Sinh gồm Pn Thị Kim P, anh Pn Tấn Đ, Pn Thành Kh thực hiện nghĩa vụ tài sản của ông Sinh chết để lại làm thủ tục sang tên cho ông T, bà L theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị P, anh Đ, anh Kh không tự nguyện thì đề nghị nguyên đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên theo quy định của pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông Bùi Văn T, Nguyễn Thị Kim L yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và buộc người thừa kế thực hiện thủ tục sang tên nên Hội đồng xác định là tranh chấp yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và buộc thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn chị Pn Thị Kim P, có nơi cư trú tại khu phố 7, thị trấn Giồng Riềng và anh Pn Tấn Đ có nơi cư trú tại Ấp NH, xã VT, huyện GR, tỉnh KG theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

[1.2] Trong quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh được biết ông Pn Hy Sinh đã chết, thời điểm năm 1999 không có thông tin về hộ ông Sinh, nhưng năm 2001 có thông tin ông Sinh có vợ bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1960 đã chết; và có hai người con là Pn Tấn Đ và Pn Thành Kh. Căn cứ theo Điều 613 và Điều 614; Điều 615 của Bộ luật dân sự và Điều 68; Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên Tòa án đưa anh Pn Thành Kh tham gia tố tụng với tư cách là

người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án thừa kế quyền và nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất ông Pn Hy Sinh với ông Bùi Văn T lập ngày 25/5/1999 với diện tích 2.320m²; thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 01; tọa lạc tại KP 7, TT GR, huyện GR, tỉnh KG. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng chuyển nhượng được ông Pn Như Thích xác nhận ông Pn Hy Sinh có chuyển nhượng đất cho ông T phần đất ruộng tọa lạc tại khu phố 7, thị trấn Giồng Riềng là đúng sự thật. Thời điểm chuyển nhượng đất ông là Trưởng khu vực 7, ký xác nhận chứng kiến. Cũng như việc ông T giao trả vàng cho ông Sinh có ông Pn Thanh Triều là em ruột ông Sinh là Tổ trưởng ký xác nhận chứng kiến việc nhận vàng chuyển nhượng đất như nguyên đơn trình bày là đúng.

[4] Xét về hình thức của hợp đồng chuyển nhượng: Việc chuyển nhượng của hai bên chỉ xác lập bằng giấy tay chưa được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên chưa tuân thủ về hình thức theo quy định của Luật đất đai và Bộ luật dân sự vào thời điểm chuyển nhượng. Tuy nhiên, việc chuyển nhượng giữa các bên là có thật và các bên thực hiện trên tinh thần tự nguyện, không trái đạo đức cũng như được các nhân chứng chứng kiến xác nhận phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn.

[5] Tại Công văn của Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng xác định phần đất tranh chấp được phép chuyển nhượng và không nằm trong quy hoạch của chính quyền địa phương. Theo Điều 139 của Bộ luật dân sự năm 1995: *Giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức: “Trong trường hợp pháp luật quy định giao dịch dân sự vô hiệu, nếu không được thể hiện bằng văn bản, không được Công chứng nhà nước chứng nhận, không được chứng thực, đăng ký hoặc cho phép, thì theo yêu cầu của một bên, Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền Khc quyết định buộc các bên thực hiện quy định về hình thức của giao dịch trong một thời hạn; quá thời hạn đó mà không thực hiện, thì giao dịch vô hiệu. Bên có lỗi làm cho giao dịch vô hiệu phải bồi thường thiệt hại.”*

Theo Điều 129 của Bộ luật dân sự 2015. Giao dịch dân sự vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức: *“Giao dịch dân sự vi phạm quy định điều kiện có hiệu lực về hình thức thì vô hiệu, trừ trường hợp sau đây: 1. Giao dịch dân sự đã được xác lập theo quy định phải bằng văn bản nhưng văn bản không đúng quy định của luật mà một bên hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ*

trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó;

2. Giao dịch dân sự đã được xác lập bằng văn bản nhưng vi phạm quy định bắt buộc về công chứng, chứng thực mà một hoặc các bên đã thực hiện ít nhất hai phần ba nghĩa vụ trong giao dịch thì theo yêu cầu của một bên hoặc các bên, Tòa án ra quyết định công nhận hiệu lực của giao dịch đó. Trong trường hợp này, các bên không phải thực hiện việc công chứng, chứng thực.”

Tại Điều 75 Luật đất đai năm 1993 quy định:

1. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp để trồng rừng, được chuyển quyền sử dụng đất trong các trường hợp sau:

a/ Chuyển đi nơi Khc;

b/ Chuyển sang làm nghề Khc;

c/ Không còn khả năng trực tiếp lao động;

.....

Việc chuyển nhượng phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép. Người nhận đất phải sử dụng đúng mục đích.

[6] Mặc dù các bên xác lập giao dịch chuyển nhượng chỉ bằng giấy viết tay sang nhượng, theo quy định của pháp luật đã vi phạm về hình thức. Pháp luật chỉ công nhận việc chuyển nhượng đất khi đủ các điều kiện chuyển nhượng và được lập thành văn bản có công chứng, chứng thực bởi cơ quan có thẩm quyền. Các trường hợp sang nhượng vi phạm về hình thức được công nhận là xác lập trước ngày 01/7/2004 (ngày Luật đất đai 2003 có hiệu lực) cũng như Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP, ngày 10/8/2004 hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình. Thời điểm chuyển nhượng giữa ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L với Pn Hy Sinh được xác lập vào ngày 25/5/1999, ông T, bà L đã thực hiện toàn bộ giao dịch bên chuyển nhượng là ông Sinh đã nhận đủ vàng và bên nhận chuyển nhượng là ông T, bà L đã nhận đất canh tác nên Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng chuyển nhượng của ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L với Pn Hy Sinh là hợp pháp.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc các con ông Pn Hy Sinh là chị Pn Thị Kim P, anh Pn Tấn Đ thực hiện thủ tục sang tên phần đất đã chuyển nhượng là có căn cứ. Bởi theo quy định tại Điều 613 và Điều 614; Điều 615 của Bộ luật dân sự thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Sinh gồm cha mẹ của ông Sinh và vợ ông Sinh đã chết. Ngoài hai người con ông Sinh do nguyên đơn khởi kiện Tòa án xác minh

tại địa phương nơi cư trú của ông Sinh được biết ông Sinh có thêm một người con tên là Pn Thành Kh nên xác định hàng thừa kế của ông Sinh gồm có Pn Thị Kim P, Pn Tấn Đ, Pnh Thành Kh có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ về tài sản của Sinh để lại cụ thể là chuyển quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng được lập ngày 25/5/1999 cho ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L, diện tích theo hợp đồng chuyển nhượng là 2.320m², theo đo đạc thực tế là 2.477,4m², tại tờ trích đo địa chính số: TĐ 395 -2023 (59-01), ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cụ thể tứ cạnh như sau:

Cạnh 1 – 2 có diện tích 65,03 tiếp giáp với Nguyễn Hoàng Đắc;

Cạnh 2 – 3 diện tích 31,44 tiếp giáp kênh thủy lợi;

Cạnh 3 – 4 diện tích 66,33 tiếp giáp Bùi Văn Khôn (Bùi Văn Thôn); Trần Anh Thuận;

Cạnh 4 – 5 diện tích 32,59 và cạnh 5 – 1 diện tích 10,16 tiếp giáp Bùi Văn Khôn.

[8] Đối với việc cầm cố đất giữa ông Lê Văn Th với ông Pn Hy Sinh; giữa ông Lê Văn Th với ông Bùi Văn T các bên không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ chấp nhận.

[9] Về án phí và chi tố tụng: Căn cứ vào Điều 147; Điều 157; Điều 165 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

[9.1] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn T bà Nguyễn Thị Kim L được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông T, bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008609, ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Pn Thị Kim P, anh Pn Tấn Đ, anh Pn Thành Kh phải chịu án phí không có giá ngạch của yêu cầu của nguyên đơn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[9.2] Về chi phí tố tụng:

Chi phí đăng công thông tin điện tử là 3.000.000 đồng, ông T, bà L phải chịu và đã nộp xong.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.904.210 đồng. Ông T, bà L tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Chi phí thẩm định giá 4.400.000 đồng, ông T, bà L tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 1 Điều 157; Điều 165; Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 75 Luật đất đai năm 1995; Điều 167 Luật đất đai năm 2003; Điều 167 Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Điều 139 của Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 122, Điều 123, Điều 129, Điều 613, Điều 614, Điều 615 của Bộ luật dân sự 2015.

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH12, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và buộc người thừa kế gồm chị Pn Thị Kim P; anh Pn Tấn Đ; anh Pn Thành Kh thực hiện nghĩa vụ của ông Sinh chết để lại.

- Công nhận “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”, ngày 25/5/1999; giữa bên chuyển quyền sử dụng đất: Ông Pn Hy Sinh với bên nhận chuyển nhượng ông Bùi Văn T phần đất thửa số 59, tờ bản đồ số 01, diện tích là 2.477,4m², do ông Pn Hy Sinh đứng tên trên sổ mục kê tứ cạnh cụ thể như sau:

Cạnh 1 – 2 có diện tích 65,03 tiếp giáp với Nguyễn Hoàng Đắc;

Cạnh 2 – 3 diện tích 31,44 tiếp giáp kênh thủy lợi;

Cạnh 3 – 4 diện tích 66,33 tiếp giáp Bùi Văn Khôn (Bùi Văn Thôn); Trần Ánh Thuận;

Cạnh 4 – 5 diện tích 32,59 và cạnh 5 – 1 diện tích 10,16 tiếp giáp Bùi Văn Khôn.

(Theo Tờ trích đo số: TĐ 395 -2023 (59-01), ngày 17/8/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất huyện Giồng Riềng).

Buộc các con ông Pn Hy Sinh là chị Pn Thị Kim P, anh Pn Tấn Đ, anh Pn Thành Kh phải thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất thừa đất nêu trên theo quy định của pháp luật cho ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L. Trường hợp chị P, anh Đ, anh Kh không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, thì ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Kim L có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng phần đất đã được công nhận nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Bùi Văn T bà Nguyễn Thị Kim L được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Ông T, bà L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0008609, ngày 19/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Pn Thị Kim P, anh Pn Tấn Đ, anh Pn Thành Kh phải chịu án phí không có giá ngạch theo yêu cầu của nguyên đơn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Về chi phí tố tụng:

Chi phí đăng công thông tin điện tử là 3.000.000 đồng, ông T, bà L phải chịu và đã nộp xong.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.904.210 đồng. Ông T, bà L tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Chi phí thẩm định giá 4.400.000 đồng, ông T, bà L tự nguyện chịu và đã nộp xong.

Các đương sự có mặt có quyền Khng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Riêng các đương sự vắng mặt có quyền Khng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng Đ hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b, 7d và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mỹ Nhiên

